

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST

Ngày 25-9-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình;

Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: TN30 T, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại bản khai nộp ngày 25/9/2024 của nguyên đơn – bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 28/6/2023, bà L đã hỗ trợ vốn cho bà Đỗ Thị T theo hợp đồng vay vốn số AL23006/5/1 ngày 28/6/2023 cụ thể:

- Số tiền vay: 14.498.000 đồng.
- Thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 28/6/2023 đến ngày 26/10/2023).
- Lãi suất: 1.75%/ tháng, lãi suất quá hạn: 2.6%/ tháng.
- Số tiền lãi theo hợp đồng: 1.014.860 đồng.
- Tổng số tiền phải trả: 15.512.860 đồng.
- Số tiền góp hàng ngày: 130.000 đồng.
- Số tiền góp ngày cuối: 42.860 đồng.

Bà T đã nhận tiền đầy đủ theo hợp đồng và đã ký giấy nhận nợ ngày 28/6/2023, số tiền nợ: 14.498.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 25/8/2023, bà T chỉ thanh toán cho bà L số tiền là 3.900.000 đồng, sau đó không thanh toán nữa.

Từ ngày 27/10/2023 cho đến nay, bà L đã nhiều lần làm việc trực tiếp và tạo điều kiện cho bà T thực hiện nghĩa vụ, giảm áp lực trả nợ cho bà T nhưng bà T vẫn không thiện chí trong việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Vì vậy, nay bà Phạm Thị Kim L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Đỗ Thị T phải trả cho bà số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2024) là: 14.460.000 đồng;

Trong đó:

- + Vốn: 10.598.000 đồng;
- + Lãi: 953.000 đồng (áp dụng lãi suất 20%/ 365 ngày, tính từ ngày 28/6/2023 đến ngày 26/10/2023);
- + Lãi trả chậm: 2.909.000 đồng (áp dụng lãi suất 30%/ 365 ngày, tính từ ngày 27/10/2023 đến ngày 25/9/2024).

- Bà Đỗ Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với dư nợ gốc với lãi suất 30%/ năm, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không trình bày ý kiến tại phiên tòa.

** Tại Kết luận giám định số: 134/KL-KTHS ngày 23/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Thuận kết luận:* Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị T trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 – M3 là **do cùng một người ký, viết ra.**

Bị đơn là bà Đỗ Thị T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đỗ Thị T nhưng bà T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị T trả số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền số: AL23006/5/1 và Giấy nhận nợ ngày 28/6/2023. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 6, phường Đ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

[1.2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Phạm Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.2.2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Đỗ Thị T nhưng bà T không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hiệu lực của hợp đồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đỗ Thị T vắng mặt; ngày 14/3/2024, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của của bà Đỗ Thị T trong Hợp đồng vay tiền số AL23006/5/1 đề ngày 28/6/2023. Tại Kết luận giám định số: 134/KL-KTHS ngày 23/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Ninh Thuận kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị T trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 – M3 là do cùng một người ký, viết ra.”*. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Chữ ký và chữ viết “Đỗ Thị T” tại hợp đồng vay tiền số AL23006/5/1 và Giấy nhận nợ cùng ngày 28/6/2023 là của bị đơn bà Đỗ Thị T tự ký và viết ra.

Theo Hợp đồng vay tiền số AL23006/5/1 ngày 28/6/2023 thể hiện giữa bà Phạm Thị Kim L và bà Đỗ Thị T có quan hệ giao dịch dân sự về việc vay số tiền 14.498.000 đồng; bà T đã nhận đủ số tiền vay từ bà L và ký Giấy nhận nợ cùng ngày 28/6/2024. Xét thấy, Hợp đồng vay tiền (kèm theo Giấy nhận nợ) được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung của hợp đồng vay tiền:

Hợp đồng vay tiền số AL23006/5/1 ngày 28/6/2023 thể hiện nội dung số tiền bà L cho bà T vay là: 14.498.000 đồng; Thời hạn vay: 04 tháng (từ ngày 28/6/2023 đến ngày 26/10/2023); Số tiền lãi theo hợp đồng: 1.015.000 đồng; Tổng số tiền phải trả: 15.513.000 đồng; phương thức thanh toán hai bên thỏa thuận là trả góp hàng ngày: 130.000 đồng; Số tiền góp ngày cuối: 43.000 đồng. Đồng thời căn cứ vào Giấy nhận nợ cùng ngày, được ký kết giữa bà Phạm Thị Kim L và bà Đỗ Thị T thể hiện bà T đã nhận đủ số tiền 14.498.000 đồng từ bà L.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, từ ngày 03/7/2023 đến ngày 25/8/2023 bà T chỉ thanh toán cho bà L số tiền gốc: 3.900.000 đồng. Từ sau ngày 25/8/2023 đến nay, bà T không tiếp tục thực hiện hợp đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; bà T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà Phạm Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc **10.598.000** đồng (14.498.000 đồng – 3.900.000 đồng) là phù hợp, nên chấp nhận.

* Về lãi suất: Theo Hợp đồng vay tiền số: AL23006/5/1 ngày 28/6/2023, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,75%/ tháng và lãi suất quá hạn là 2,6%/ tháng là vượt quá mức lãi suất thỏa thuận theo quy định tại Điều 468 BLDS; Tuy nhiên tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất trong hạn áp dụng là 20%/ năm và lãi suất quá hạn là 30%/ năm,

tương ứng với số tiền lãi trong hạn: 14.498.000 đồng x 20%/ 365 ngày x 120 ngày = 953.000 đồng (từ ngày 28/6/2023 đến ngày 26/10/2023); số tiền lãi quá hạn: 10.598.000 đồng x 30%/ 365 ngày x 334 ngày = 2.909.000 đồng (từ ngày 27/10/2023 đến ngày 25/9/2024). Xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Đỗ Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 26/9/2024 theo mức lãi suất quá hạn là 30%/ năm. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L về việc buộc bị đơn bà Đỗ Thị T phải trả số tiền còn nợ là 14.460.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*), gồm: Tiền nợ gốc: 10.598.000 đồng; lãi trong hạn: 953.000 đồng; lãi quá hạn: 2.909.000 đồng. Buộc bà Đỗ Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh đối với dư nợ gốc với lãi suất 30%/ năm, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đỗ Thị T, có nội dung thể hiện bà Phạm Thị Kim L kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng vay vốn số AL23006/5/1 ngày 28/6/2023 nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do bà L xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 161 BLTTDS quy định: *“Trường hợp các bên đương sự không có thoả thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí giám định được xác định như sau:*

4. Trường hợp người tự mình yêu cầu giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 160 của Bộ luật này, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là có căn cứ thì người thua kiện phải chịu chi phí giám định”, do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn là bà Đỗ Thị T phải chịu chi phí giám định là 3.600.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, bị đơn là bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Bà Phạm Thị Kim L:

1. Buộc bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền nợ vay tính đến ngày 25/9/2024 là 14.460.000 đồng (*Mười bốn triệu, bốn trăm, sáu mươi nghìn đồng*); trong đó: Số tiền gốc là 10.598.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 953.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.909.000 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024), bà Đỗ Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn là 30%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim L số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

4. Về án phí:

4.1. Bà Đỗ Thị T phải chịu 723.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Phạm Thị Kim L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000592 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR - TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Phát